

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TRÀ MY
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: **09/2022/HS-ST**

Ngày 19/5/2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TRÀ MY, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đại.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Thắng và ông Nguyễn Tuấn Sơn.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chiên- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: bà Võ Thị Hoài My- Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 35/2021/TLST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2021/QĐXXST-HS, ngày 31 tháng 12 năm 2021; Thông báo hoãn phiên tòa số: 04/TB-TA ngày 20/4/2022 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo Nguyễn Văn H, sinh 25/10/1992 tại Quảng Nam; Nơi cư trú: thôn 03, xã TG, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: nông; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Cadong; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Dẻo (chết) và bà Đinh Thị Hoa; vợ tên Đinh Thị H và 02 con (lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2021); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không; Bị cáo là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng); Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo Võ Tấn T, sinh 01/3/1977 tại Quảng Nam; Hộ khẩu thường trú: thôn T (thôn P cũ), xã Tam Phước, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam; Nơi tạm trú: thôn 02, xã TG, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: nông; trình độ văn hoá: 05/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Ngọc Trang và bà Đỗ Thị Hoa; vợ tên Nguyễn Thị Thom và 01 con sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 04/8/2000, Bị cáo T bị Tòa án nhân dân huyện Trà My cũ (nay là TADN huyện Bắc Trà My) xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội “*Vi phạm các quy định về quản lý và bảo vệ rừng*”, phạt bổ sung bị cái Tài 3.000.000đồng (Ba triệu đồng) và án phí hình sự sơ thẩm là 50.000đồng (Năm mươi nghìn đồng). Bị cáo T đã chấp hành xong án phạt tù và án phí hình sự sơ thẩm, chưa chấp hành

hình phạt bổ sung. Đối với hình phạt bổ sung thì Chi cục THADS huyện Bắc Trà My không có hồ sơ, tài liệu về việc ra quyết định thi hành hình phạt bổ sung nêu trên đối với Bị cáo T. Do đó, đến thời điểm Bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội mới vào tháng 3/2020 thì đã hết thời hiệu thi hành bản án nêu trên nên hành vi phạm tội của Bị cáo T không thuộc trường hợp tái phạm.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”, có mặt tại phiên tòa.

- *Nguyên đơn dân sự*: BQL rừng phòng hộ huyện Bắc Trà My.

Người đại diện hợp pháp có ông Hồ Tất T; chức vụ: Phó giám đốc BQL rừng phòng hộ huyện Bắc Trà My. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/ Ông Hồ Quốc C, sinh năm 1976. (có mặt)

Trú quán: thôn 01, xã TK, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.

2/ Bà Đinh Thị H, sinh năm 1995. (có mặt)

Trú quán: thôn 03, xã TG, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 3/2020, Bị cáo Nguyễn Văn H muốn dựng lại nhà ở bằng gỗ nên nảy sinh ý định khai thác một cây gỗ Chò, gần vị trí mộ cha của Bị cáo H tại khoảnh 7, tiểu khu 850, thôn 1, xã TK (người dân địa phương thường gọi là khu “Rừng Ma”), loại rừng sản xuất là rừng tự nhiên. Bị cáo H đến gặp ông Hồ Quốc C (là thôn trưởng kiêm bí thư chi bộ thôn 1, xã TK và là tổ trưởng tổ bảo vệ rừng theo Nghị định 75 tại thôn 1, xã TK) để xin phép được khai thác cây gỗ. Ông C nói không được khai thác cây gỗ này, nếu muốn khai thác cây gỗ thì phải xin phép UBND xã TK. Vài ngày sau, Bị cáo H đi đến nhà Bị cáo Võ Tấn T để thuê Bị cáo T hạ, cưa xẻ cây gỗ. Bị cáo T đồng ý và hai bên thống nhất tiền công là 1.600.000 đồng (*một triệu sáu trăm nghìn đồng*)/01 m³ gỗ thành phẩm. Vài ngày sau, Bị cáo H đến nhà Bị cáo T, đưa cho Bị cáo T số tiền tạm ứng là 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*). Khoảng bốn ngày sau, Bị cáo T điều khiển xe máy chở theo máy cưa xích, xăng, nhớt đi đến nhà của Bị cáo H tại thôn 3, xã TG. Sau đó, Bị cáo H đem theo gà, rượu, xoong nồi cùng Bị cáo T đi đến vị trí cây gỗ định khai thác. Cả hai đi bộ khoảng 20 phút đường rừng thì đi đến vị trí cây gỗ trên. Tại đây, Bị cáo H làm thịt gà để cúng theo phong tục địa phương còn Bị cáo T lắp lam cưa, đồ xăng, nhớt vào máy cưa. Sau khi Bị cáo H cúng xong, Bị cáo T trực tiếp cưa hạ ngã cây gỗ Chò trên. Sau đó, cả hai uống rượu, ăn thịt gà rồi quay về nhà. Khi đi về, Bị cáo T đem máy cưa xích về nhà để sửa chữa. Sau khi sửa máy cưa xong, Bị cáo T lên lại vị trí cây gỗ và tiến hành cưa xẻ cây gỗ. Bị cáo T vừa làm vừa nghỉ trong thời gian khoảng 07 ngày thì cưa xẻ xong. Sau khi cưa xẻ xong, Bị cáo T gọi Bị cáo H đến để đo đạc khối lượng gỗ thành phẩm. Sau khi tính toán, Bị cáo H trả thêm cho Bị

cáo T số tiền là 3.500.000 đồng (*ba triệu, năm trăm nghìn đồng*). Bị cáo H dùng trâu vận chuyển hết số đốn tay, xuyên và trính về để tại nhà thuộc thôn 3, xã TG. Còn một số cây đà Bị cáo H mới kéo tới con suối gần nhà chưa đưa về nhà thì bị nước lũ cuốn trôi, Bị cáo H chỉ đem về nhà được 05 cây đà. Khối lượng gỗ Bị cáo H đem về nhà bị cáo gồm 52 (*năm mươi hai*) phách gỗ xẻ, có khối lượng 3,406m³ (*ba phẩy bốn trăm lẻ sáu mét khối*).

Cây gỗ Chò trên có tọa độ (X: 552879, Y: 1680525) thuộc khoảnh 7, tiểu khu 850, thôn 1, xã TK, khối lượng gỗ thiệt hại là 12,657m³ (*Mười hai phẩy sáu trăm năm mươi bảy mét khối*), khối lượng gỗ còn lại tại hiện trường là 2,945m³ (*Hai phẩy chín trăm bốn mươi lăm mét khối*) gỗ tròn, loại rừng sản xuất là rừng tự nhiên, thuộc quản lý của BQL rừng phòng hộ huyện Bắc Trà My.

Bản kết luận định giá tài sản số: 12/KL-HĐĐGTS ngày 30/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Bắc Trà My kết luận giá trị lâm sản của cây gỗ Chò này là 55.850.000 đồng (*Năm mươi lăm triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*); khối lượng gỗ còn lại tại hiện trường có giá trị 12.144.000 đồng (*Mười hai triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*); khối lượng gỗ thành phẩm tại nhà Bị cáo H có giá trị 22.140.000 đồng (*Hai mươi hai triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Cáo trạng số: 26/CT-VKS ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam truy tố Bị cáo Nguyễn Văn H và Bị cáo Võ Tấn T về tội *Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản* theo điểm b khoản 1 Điều 232 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà My vẫn giữ nguyên nội dung truy tố theo bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 232; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự tuyên bố Bị cáo Nguyễn Văn H và Bị cáo Võ Tấn T phạm tội *Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*.

Xử phạt Bị cáo Nguyễn Văn H từ 06 tháng đến 09 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án.

Xử phạt Bị cáo Võ Tấn T từ 06 tháng đến 09 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án.

- Về vấn đề dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận giữa đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự với các bị cáo. Nguyên đơn dân sự yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền thiệt hại về lâm sản sau khi đã trừ đi số gỗ còn lại tại hiện trường và số gỗ đã được cơ quan chức năng thu giữ tại nhà Bị cáo H. Bị cáo Nguyễn Văn H và Bị cáo Võ Tấn T thống nhất theo yêu cầu của đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự. Tại phiên toà, Bị cáo H thống nhất bồi thường phần lớn thiệt hại cho nguyên đơn dân sự, yêu cầu Bị cáo T liên đới bồi thường một phần thiệt hại với số tiền là 1.500.000 đồng. Bị cáo T thống nhất như ý kiến của Bị cáo H và đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự.

Đối với việc định giá giá trị thiệt hại, giá trị phải bồi thường theo Thông tư số 32/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, **tại thời điểm phạm tội, chưa có khung giá rừng, Hội đồng định giá trong tổ tụng huyện Bắc Trà My không thể định giá được nên không có cơ sở buộc các bị cáo bồi thường.**

Vật chứng của vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS tuyên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tài sản sau:

+ 01 (Một) lam cửa, bằng kim loại, loại 80cm, không bao gồm xích cửa, đã qua sử dụng. Đây là bộ phận còn lại của máy cửa xích mà Bị cáo T trực tiếp sử dụng để khai thác cây gỗ trong vụ án.

+ Truy thu số tiền 5.500.000 đồng (*năm triệu năm trăm nghìn đồng*) là tài sản do Bị cáo Võ Tấn T phạm tội mà có.

+ Truy thu số tiền 700.000 đồng (*bảy trăm nghìn đồng*) tiền bán thay thế các bộ phận của máy cửa (công cụ phạm tội).

Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 106 BLTTHS tuyên giao cho BQL rừng phòng hộ huyện Bắc Trà My 2,945m³ gỗ tròn còn lại tại hiện trường tại khoảnh 7, tiểu khu 850, thôn 1, xã TK, huyện Bắc Trà My và 3,406m³ gỗ xẻ thành phẩm thu giữ tại nhà Bị cáo Nguyễn Văn H. Số gỗ này hiện do BQL rừng phòng hộ huyện Bắc Trà My bảo quản.

Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy bộ phận của máy cửa xích là 01 (Một) tay cầm của máy cửa xích, bằng nhựa, không còn lóc máy, không còn giá trị sử dụng.

Đối với những bộ phận còn lại của máy cửa xích, do máy cửa bị hư hỏng nên Bị cáo T đã tháo rời các bộ phận để bán thay thế cho các máy cửa xích khác mà bị cáo được những người khác thuê sửa chữa. Bị cáo không thể xác định chính xác những bộ phận khác của máy cửa này đã được gắn vào máy cửa nào, của người khách nào nên Cơ quan CSĐT không có cơ sở truy tìm. Số tiền bị cáo bán các bộ phận thay thế là 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng).

Đối với 01 con trâu Bị cáo Nguyễn Văn H dùng để kéo gỗ. Đây là trâu của gia đình Bị cáo Nguyễn Văn H, dùng vào mục đích chính là phục vụ sản xuất. Hân đã bán con trâu này nên không tịch thu giá trị con trâu này.

Đối với cây gỗ số 02, có tọa độ (X: 557990, Y: 1680568) bị khai thác trái phép trong vụ án do Hạt kiểm lâm huyện Bắc Trà My khởi tố theo Quyết định khởi tố vụ án số 04/QĐ-KTVAHS-HKL ngày 06/5/2021 không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cây này là do Bị cáo H, Bị cáo T thực hiện.

Người bào chữa cho Bị cáo Nguyễn Văn H đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 232; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo. Đồng thời đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo, do Bị cáo Thuộc diện hộ nghèo, là người đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Về thiệt hại môi trường do Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự không định giá được nên đại diện nguyên đơn dân sự không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường.

Lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, Bị cáo H và Bị cáo T khai nhận, cây Chò có toạ độ (X: 552879, Y: 1680525) thuộc khoảnh 7, tiểu khu 850, thôn 1, xã TK, có khối lượng gỗ thiệt hại là **12,657m³**, nằm trong khu vực rừng sản xuất là rừng tự nhiên do Bị cáo H thuê Bị cáo T cưa hạ, xẻ thành phẩm để về làm nhà. Cụ thể, tháng 3 năm 2020, do nhà ở của Bị cáo H hư hỏng mà không có tiền xây nhà nên bị cáo nảy sinh ý định cưa cây gỗ Chò trên về làm nhà. Bị cáo xin phép ông Cang (là tổ trưởng tổ bảo vệ rừng theo Nghị định 75) nhưng ông Cang không đồng ý. Bị cáo liên hệ và thuê Bị cáo T khai thác cây gỗ trên. Trước khi khai thác bị cáo đã cho Bị cáo T ứng trước 2.000.000 đồng để mua xăng, nhớt, nhu yếu phẩm cần thiết cho việc khai thác. Khai thác xong bị cáo đã trả tiền công còn lại cho Bị cáo T 3.500.000 đồng. Số gỗ khai thác được bị cáo dùng trâu kéo về nhà được một phần, một phần chưa kéo về nhà thì bị lũ năm 2020 cuốn trôi. Số gỗ Bị cáo H kéo về nhà đã bị cơ quan có thẩm quyền thu giữ (3,406 m³).

Tại kết luận định giá tài sản số: 12/KL-HĐĐGTS ngày 30/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Bắc Trà My kết luận giá trị lâm sản của 12,657 m³, có giá trị là 55.850.000 đồng (*Năm mươi lăm triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*); khối lượng gỗ còn lại tại hiện trường 2,945 m³, có giá trị 12.144.000 đồng (*Mười hai triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*); khối lượng gỗ thành phẩm thu giữ tại nhà Bị cáo Nguyễn Văn H 3,406 m³, có giá trị 22.140.000 đồng (*Hai mươi hai triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Đối chiếu và thẩm tra phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được các cơ quan tiến hành tố tụng thu thập. Như vậy, bản cáo trạng số: 26/CT-VKS, ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm có đủ cơ sở để kết luận hành vi của Bị cáo Nguyễn Văn H và Bị cáo Võ Tấn T phạm tội *Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản* được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 232 của Bộ luật Hình sự.

[2] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của các Bị cáo Thì thấy:

Rừng là tài nguyên quốc gia, có ý nghĩa quan trọng đến môi trường sống của con người. Do đó, việc khai thác trái phép rừng ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường sống của con người, đây là hành vi vi phạm pháp luật. Các bị cáo nhận thức

rõ việc khai thác trái phép rừng là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Do đó Hội đồng xét xử cần xử các bị cáo mức án nghiêm minh để giáo dục chung và phòng ngừa riêng.

Bị cáo H là người thuê Bị cáo Võ Tấn T cưa hạ, xẻ cây gỗ về làm nhà. Do đó, trong vụ án này xác định Bị cáo H là người khởi xướng. Bị cáo Võ Tấn T là người thực hành tích cực. Khi được Bị cáo H thuê, biết rõ Bị cáo H không được cơ quan có thẩm quyền cho phép khai thác nhưng bị cáo vẫn nhận lời và yêu cầu Bị cáo H cho ứng trước 2.000.000 đồng để mua sắm vật dụng cần thiết cho việc cưa xẻ gỗ trái phép. Hơn nữa, vào năm 2000 Bị cáo T đã bị Toà án nhân dân huyện Trà My cũ (nay là Toà án nhân dân huyện Bắc Trà My) xử phạt 09 tháng tù có thời hạn. Mặc dù đến thời điểm bị cáo phạm tội mới (tháng 3/2020) bị cáo đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để cảnh tỉnh bản thân mà tiếp tục phạm tội. Hội đồng xét xử sơ thẩm cân nhắc khi quyết định hình phạt.

[3] Các bị cáo không có tiền án tiền phạm tội. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các Bị cáo Thành khẩn khai báo, thực sự hối hận về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo đã khắc phục được một phần hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra; các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Bị cáo H là bộ đội xuất ngũ, tham gia làm việc tại Ban công an xã TG từ năm 2016 đến 2021 (có xác nhận của Trưởng Công an xã TG). Bị cáo Võ Tấn T có bà nội tên Nguyễn Thị Lắm là mẹ Việt Nam anh hùng, có 02 anh ruột là Liệt sỹ (Võ Văn Lương và Võ Văn Tuấn), có mẹ ruột là bà Đỗ Thị Hoa được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hàng nhất. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo Nguyễn Văn H; áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo T.

Trong vụ án này, Bị cáo Nguyễn Văn H là người khởi xướng, Bị cáo Võ Tấn T là người thực hành tích cực; Bị cáo H có nhân thân tốt, Bị cáo T đã từng bị kết án về tội "*Vi phạm các quy định về quản lý và bảo vệ rừng*". Do đó, trong vụ án này Hội đồng xét xử xử các bị cáo mức án ngang nhau là phù hợp. Mặc dù các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng tuy nhiên hiện nay tình hình tội phạm về khai thác trái phép rừng diễn ra rất phức tạp, là điểm nóng trên địa bàn huyện nhà, do đó để góp phần đấu tranh phòng chống loại tội phạm này, Hội đồng xét xử thấy cần cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội để giáo dục chung và phòng ngừa riêng.

[4] Về dân sự: Tại phiên tòa đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự và các Bị cáo Tự nguyện thỏa thuận về giải quyết dân sự như sau: Đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự yêu cầu các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại về lâm sản đối với cây gỗ Chò, sau khi trừ đi số gỗ đã bị thu hồi và số gỗ còn lại tại hiện trường. Bị cáo Nguyễn Văn H và Bị cáo Võ Tấn T thống nhất theo yêu cầu của đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự. Tại phiên tòa, Bị cáo H thống nhất bồi thường phần lớn thiệt hại cho nguyên đơn dân sự, yêu cầu Bị cáo T

liên đới bồi thường thiệt hại với số tiền 1.500.000 đồng. Bị cáo T thống nhất như ý kiến của Bị cáo H và đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự.

Trong vụ án này, theo kết luận định giá thì thiệt hại về lâm sản đối với cây gỗ Chò mà các bị cáo gây ra là 55.850.000 đồng – 12.144.000 đồng (khối lượng gỗ còn lại tại hiện trường) – 22.140.000 đồng (khối lượng gỗ cơ quan chức năng đã thu tại nhà Bị cáo Nguyễn Văn H) = 21.566.000 đồng. Bị cáo Võ Tấn T thống nhất liên đới bồi thường thiệt hại về lâm sản với số tiền 1.500.000 đồng, Bị cáo Nguyễn Văn H thống nhất bồi thường thiệt hại về lâm sản với số tiền 20.066.000 đồng. Bị cáo Võ Tấn T đã bồi thường số tiền 1.500.000 đồng (theo biên lai thu số 0003260 ngày 12/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Trà My) nên Bị cáo T không phải tiếp tục bồi thường thiệt hại về lâm sản. Bị cáo Nguyễn Văn H đã bồi thường thiệt hại được số tiền 1.500.000 đồng (theo biên lai thu số 0003259 ngày 05/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Trà My) nên Bị cáo H phải tiếp tục bồi thường thiệt hại về lâm sản cho nguyên đơn dân sự số tiền 18.566.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy thỏa thuận này là tự nguyện, đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Đối với thiệt hại về môi trường rừng do Hội đồng định giá tài sản không xác định được giá trị thiệt hại, hiện tại chưa có văn bản hướng dẫn về xác định thiệt hại về môi trường rừng nên không có cơ sở để buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm về thiệt hại về môi trường rừng.

[5] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu huỷ: 01 (Một) lam cửa, bằng kim loại, loại 80cm, không bao gồm xích cửa, đã qua sử dụng và 01 (Một) tay cầm của máy cửa xích, bằng nhựa, không còn lóc máy, không còn giá trị sử dụng. Đây là công cụ, phương tiện phạm tội của các bị cáo.

Truy thu số tiền 5.500.000 đồng (*năm triệu năm trăm nghìn đồng*) là thu lợi bất chính của Bị cáo Võ Tấn T để sung vào ngân sách nhà nước.

Truy thu số tiền 700.000 đồng (*bảy trăm nghìn đồng*) của Bị cáo Võ Tấn T có được do bán thay thế các bộ phận của máy cửa (công cụ phạm tội).

Giao cho BQL rừng phòng hộ huyện Bắc Trà My xử lý theo pháp luật đối với 2,945m³ gỗ tròn còn lại tại hiện trường tại khoảnh 7, tiểu khu 850, thôn 1, xã TK, huyện Bắc Trà My và 3,406m³ gỗ xẻ thành phẩm thu giữ tại nhà Bị cáo Nguyễn Văn H.

[6] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn H được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm do thuộc diện hộ nghèo, sống tại khu vực so điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Bị cáo Võ Tấn T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Các bị cáo có hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Đối với con trâu mà Bị cáo Nguyễn Văn H dùng để kéo gỗ về nhà là tài sản chung của gia đình Bị cáo H, mục đích chính là để phục vụ sản xuất nông nghiệp. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định con trâu này không phải là công cụ, phương tiện phạm tội nên không tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bắc Trà My, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà My, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và tại giai đoạn xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 232; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự tuyên bố Bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*”.

Xử phạt Bị cáo Nguyễn Văn H **06 (sáu)** tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 232; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự tuyên bố Bị cáo Võ Tấn T phạm tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*”.

Xử phạt Bị cáo Võ Tấn T **06 (sáu)** tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án.

Về dân sự: áp dụng các Điều 584, 585, 587 và 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, công nhận sự thỏa thuận của các bị cáo và đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự, cụ thể: Bị cáo Nguyễn Văn H và Bị cáo Võ Tấn T có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho BQL rừng phòng hộ huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam (chủ rừng) số tiền 21.566.000 đồng (*hai mươi một triệu, năm trăm sáu mươi sáu ngàn đồng*).

Bị cáo Võ Tấn T phải bồi thường thiệt hại về lâm sản cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam số tiền 1.500.00 đồng. Bị cáo Võ Tấn T đã bồi thường số tiền 1.500.000 đồng (theo biên lai thu số 0003260 ngày 12/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Trà My) nên Bị cáo Võ Tấn T không phải tiếp tục bồi thường thiệt hại về lâm sản cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.

Bị cáo Nguyễn Văn H phải bồi thường thiệt hại về lâm sản cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam số tiền 20.066.000 đồng (*hai mươi triệu, không trăm sáu mươi sáu ngàn đồng*). Bị cáo H đã bồi thường thiệt hại được số tiền 1.500.000 đồng (theo biên lai thu số 0003259 ngày 05/4/2022 của Chi

cục thi hành án dân sự huyện Bắc Trà My) nên Bị cáo Nguyễn Văn H phải tiếp tục bồi thường thiệt hại về lâm sản cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam số tiền 18.566.000 đồng (*mười tám triệu, năm trăm sáu mươi sáu ngàn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

Tịch thu tiêu huỷ: 01 (Một) lam cửa, bằng kim loại, loại 80cm, không bao gồm xích cửa, đã qua sử dụng và 01 (Một) tay cầm cửa máy cửa xích, bằng nhựa, không còn lóc máy, không còn giá trị sử dụng.

Truy thu số tiền 5.500.000 đồng (*năm triệu chín trăm nghìn đồng*) và số tiền 700.000 (*bảy trăm nghìn đồng*) của Bị cáo Võ Tấn T để sung vào ngân sách nhà nước.

Giao cho BQL rừng phòng hộ huyện Bắc Trà My xử lý theo pháp luật đối với 2,945m³ gỗ tròn còn lại tại hiện trường tại khoảnh 7, tiểu khu 850, thôn 1, xã TK, huyện Bắc Trà My và 3,406m³ gỗ xẻ thành phẩm thu giữ tại nhà Bị cáo Nguyễn Văn H.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm cho Bị cáo Nguyễn Văn H.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc Bị cáo Võ Tấn T phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm ngàn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Bắc Trà My;
- Cơ quan CSĐT huyện Bắc Trà My;
- Chi cục THADS huyện Bắc Trà My;
- Nhà tạm giữ CA huyện Bắc Trà My;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Đại